

ĐA DẠNG HỌ HỒ TIÊU (PIPERACEAE) Ở VƯỜN QUỐC GIA BẾN EN, THANH HÓA

Đậu Bá Thìn¹, Nghiêm Thị Giang¹, Hoàng Văn Chính^{1,2}

¹ Trường Đại học Hồng Đức

² Học viện Khoa học Việt Nam

Từ khóa: Bến En, đa dạng,
họ Hồ tiêu, Thanh Hóa,
Vườn quốc gia.

Key words: Ben En,
biodiversity, National park,
Piperaceae, Thanh Hoa.

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu họ Hồ tiêu (Piperaceae) ở Vườn quốc gia (VQG) Bến En, Thanh Hóa, mẫu được thu từ năm 2016 đến năm 2017. Bước đầu đã xác định được 18 loài, 2 chi, trong đó bổ sung cho danh lục VQG Bến En (2013) được 09 loài. Chi *Piper* có số loài nhiều nhất với 17 loài (chiếm 84,44% tổng số loài), *Peperomia* chỉ có 1 loài (chiếm 5,56%). Các loài cây thuộc họ Hồ tiêu (Piperaceae) ở khu vực nghiên cứu có các giá trị sử dụng khác nhau như có 17 loài thuộc nhóm cây có tinh dầu, 09 loài thuộc nhóm cây làm thuốc, 03 loài ăn được và 02 loài thuộc nhóm cây làm gia vị. Lần đầu ghi nhận bổ sung 12 loài thuộc họ Hồ tiêu có mặt ở Thanh Hóa.

Diversity plants of Piperaceae from Ben En National Park, Thanh Hoa province

This paper presents some results of research on family Piperaceae in Ben En National Park, Thanh Hoa province, from 2016 to 2017. Total 18 species belonging to 2 genera of Piperaceae were collected and identified. There were 9 species found as new records for the plant list of Ben En published in 2013. *Piper* was the richest genus (17 species), then followed by *Peperomia* (1 species). The number of useful plant species of the Lauraceae is categorized as follows: 17 species supply essential oil, 9 species as medicinal plants, 03 species for edible and 02 species for spice. The first, recorded new distribution for 12 species in Thanh Hoa.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới họ Hồ tiêu (Piperaceae) có khoảng 2000 - 3000 loài phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới, đặc biệt Đông Nam Á và nhiệt đới châu Mỹ. Với đặc điểm là cây thân cỏ đứng hoặc leo bò trên vách đá hay trên các thân cây thân gỗ khác nhờ rễ bám (Cheng Yongqian *et al.*, 1999). Ở Việt Nam, hiện biết có 4 chi với 50 loài và dưới loài (Nguyễn Tiến Bản *et al.*, 2003). Nhiều loài trong họ được dùng làm gia vị (lá lốt, tiêu,...), rau ăn (càng cua), trong y học (trầu không,...) (Võ Văn Chi, 2012; Đỗ Tất Lợi, 2003).

Vườn quốc gia (VQG) Bến En được thành lập theo Quyết định số 33/CT ngày 27/01/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), là một quần thể sinh thái có hệ thống núi, hồ với tổng diện tích 14.734,67ha, trong đó 6.388,30ha thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, 6.346,37ha thuộc khu phục hồi sinh thái và 2.000ha là khu dịch vụ hành chính. VQG Bến En gồm 16 tiểu khu, hồ sông Mực và núi đá Hải Vân. Với sự đan xen của nhiều kiểu địa hình tạo cho nơi đây có nhiều kiểu hệ sinh thái khác nhau nhưng đặc trưng nhất là hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh trên núi đất đai thấp, hệ sinh thái rừng nhiệt đới rừng xanh trên núi đá vôi và hệ sinh thái ao hồ (Vườn quốc gia Bến En - Thanh Hóa, 2013). Mục đích hoạt động của VQG Bến En là bảo tồn hệ thực vật, động vật rừng quý hiếm, bảo tồn tính đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, phát triển du lịch sinh thái, thực hiện giáo dục môi trường và phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Mực. Hiện nay, đã có một số công trình nghiên cứu về đa dạng

thực vật ở VQG Bến En, tuy nhiên nghiên cứu đầy đủ về taxon bậc họ thì chưa có nghiên cứu nào. Bài báo này là kết quả nghiên cứu về họ Hồ tiêu (Piperaceae) ở VQG Bến En nhằm cung cấp thêm những dẫn liệu để góp phần bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn tài nguyên thực vật có hiệu quả.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc họ Hồ tiêu phân bố ở VQG Bến En, Thanh Hóa.
- Mẫu vật được thu thập theo phương pháp nghiên cứu của Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008; R.M. Klein và D.T. Klein, 1979. Thời gian thực hiện từ tháng 03/2016 đến 03/2017.
- Định loại: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh theo các tài liệu của Phạm Hoàng Hộ, 2000; Nguyễn Tiến Bản *et al.*, 2003; Thực vật chí Trung Quốc, 1999.
- Đánh giá về giá trị sử dụng dựa vào phương pháp phỏng vấn có sự tham gia (PRA) và các tài liệu của Võ Văn Chi, 2012; Trần Đình Lý *et al.*, 1993; Nguyễn Tiến Bản *et al.*, 2003; Đỗ Tất Lợi, 2003.
- Đánh giá vùng phân bố theo Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008 và Nguyễn Tiến Bản *et al.*, 2003.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Dạng dạng về thành phần loài

Qua điều tra, thu mẫu và định loại họ Hồ tiêu ở VQG Bến En, Thanh Hóa, đã xác định được 18 loài của 2 chi, bổ sung 09 loài (những loài có dấu *) so với danh lục năm 2013 (Bảng 1).

Bảng 1. Danh lục các loài họ Hồ tiêu (Piperaceae) ở VQG Bến En, Thanh Hóa

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Giá trị sử dụng
1	<i>Peperomia pellucida</i> (L.) H.B.K.	Rau càng cua	Ed, M
2	<i>Piper arboricola</i> C. DC.*	Tiêu thượng mộc	E, M
3	<i>Piper bavinum</i> C. DC.	Tiêu ba vị	E, M
4	<i>Piper betle</i> L.	Trầu không	E, M
5	<i>Piper bonii</i> C. DC.	Hàm éch rừng	E

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Giá trị sử dụng
6	<i>Piper brevicaule</i> C. DC.*	Tiêu thân ngắn	E
7	<i>Piper cambodianum</i> C. DC.	Tiêu cam bốt	E
8	<i>Piper carnibracteum</i> C. DC.*	Tiêu lá bắc mập	E
9	<i>Piper chaudocanum</i> C. DC.*	Tiêu châu đốc	E, M
10	<i>Piper laosanum</i> C. DC.*	Tiêu lào	E
11	<i>Piper leptostachyum</i> Wall.	Tiêu gié mảnh	E
12	<i>Piper lolot</i> C. DC.	Lá lốt	E, Ed, M, S
13	<i>Piper longum</i> L.*	Tiêu lá tím	E, M
14	<i>Piper nigrum</i> L.	Hồ tiêu	E, Ed, M, S
15	<i>Piper pierrei</i> C. DC.*	Tiêu pierrei	E
16	<i>Piper retrofractum</i> Vahl.*	Tiêu dôi	E, M
17	<i>Piper saxicola</i> C. DC.*	Tiêu trên đá	E
18	<i>Piper</i> sp.	Tiêu rừng	E

Ghi chú: M: cây làm thuốc; E: cây cho tinh dầu; S: cây làm gia vị; Ed: cây ăn được.

3.2. Đa dạng các bậc taxon

Từ bảng danh lục các loài thực vật thuộc họ Hồ tiêu (Piperaceae), tiến hành phân tích sự đa dạng loài. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Phân bố số lượng loài trong các chi của họ Hồ tiêu ở VQG Bến En

TT	Chi		Loài	
	Tên Latinh	Tên Việt Nam	Số lượng	Tỷ lệ %
1	<i>Peperomia</i>	Càng cua	1	5,56
2	<i>Piper</i>	Hồ tiêu	17	84,44
Tổng			18	100

Qua bảng 2 cho thấy, trong số 2 chi thuộc họ Hồ tiêu ở khu vực nghiên cứu, *Piper* chiếm đa số với 17 loài chiếm 84,44% tổng số loài, *Peperomia* chỉ có 1 loài chiếm 5,56%.

3.3. Đa dạng về giá trị sử dụng

Giá trị sử dụng của các loài trong họ Hồ tiêu ở VQG Bến En, Thanh Hóa được xác định dựa

Bảng 3. Giá trị sử dụng của họ Hồ tiêu ở VQG Bến En, Thanh Hóa

TT	Công dụng	Ký hiệu	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhóm cây cho tinh dầu (Essential Oil)	E	17	94,44
2	Nhóm cây làm thuốc (Medicine)	M	9	50,00
3	Nhóm cây ăn được (Edible)	Ed	3	16,67
4	Nhóm cây làm gia vị (Spices)	S	2	11,11

vào các tài liệu: “1900 cây có ích của Việt Nam” (Trần Đình Lý *et al.*, 1993); “Từ điển cây thuốc Việt Nam” (Võ Văn Chi, 2012); “Cây cỏ Việt Nam” (Phạm Hoàng Hộ, 2000); Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiên Bản *et al.*, 2003); “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” (Đỗ Tất Lợi, 2003); “Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam” (Triệu Văn Hùng, 2007). Đã xác định được 18 loài và dưới loài chiếm 100% tổng số loài trong họ hiện biết được sử dụng vào các mục đích khác nhau như làm thuốc, làm gia vị, lấy tinh dầu, ăn được... Trong đó, 1 loài có thể có 1 hoặc nhiều giá trị sử dụng khác nhau như: 9 loài có 1 giá trị sử dụng; 7 loài có 2 giá trị sử dụng; 2 loài cho 3 giá trị sử dụng. Giá trị sử dụng của các loài thực vật thuộc họ Hồ tiêu (Piperaceae) được trình bày ở bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy:

- *Nhóm cây cho tinh dầu*: Là nhóm có số lượng loài đứng thứ nhất với 17 loài chiếm 94,44% trong tổng số loài hiện biết, cho thấy nguồn tài nguyên cho tinh dầu họ Hồ tiêu khá đa dạng tại VQG Bến En, gồm những loài điển hình như: *Piper arboricola* C. DC. (Tiêu thượng mộc), *Piper bavinum* C. DC. (Tiêu ba vi), *Piper betle* L. (Trầu không), *Piper lolot* C. DC. (Lá lốt), *Piper nigrum* L. (Hồ tiêu),...

- *Nhóm cây làm thuốc*: Là nhóm có số lượng loài đứng thứ hai với 9 loài chiếm 50,00% tổng số loài hiện biết, một số loài điển hình như: *Piper arboricola* C. DC. (Tiêu thượng mộc), *Piper bavinum* C. DC. (Tiêu ba vi), *Piper chaudiocanum* C. DC. (Tiêu châu đốc), *Piper betle* L. (Trầu không), *Piper lolot* C. DC. (Lá lốt), *Piper nigrum* L. (Hồ tiêu), *Piper lolot* C. DC. (Lá lốt),....

- *Nhóm cây ăn được*: Nhóm này có số lượng với 3 loài (chiếm 16,67% tổng số loài hiện biết), gồm các loài *Peperomia pellucida* (L.) H.B.K. (Rau càng cua), *Piper lolot* C. DC. (Lá lốt) và *Piper nigrum* L. (Hồ tiêu).

- *Nhóm cây làm gia vị*: Nhóm này ít nhất chỉ có 02 loài chiếm 11,11% trong tổng số loài hiện biết là loài *Piper lolot* C. DC. (Lá lốt) và *Piper nigrum* L. (Hồ tiêu).

3.4. Đa dạng về phân bố

So với danh lục các loài thực vật họ Hồ tiêu (Piperaceae) trong “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” (Nguyễn Tiến Bản *et al.*, 2003), kết quả nghiên cứu đã ghi nhận thêm vùng phân bố của 12 loài trong họ này cho khu hệ thực vật Thanh Hóa, kết quả thể hiện tại bảng 4.

Bảng 4. Các loài trong họ Hồ tiêu (Piperaceae) được ghi nhận vùng phân bố cho hệ thực vật Thanh Hóa và Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân bố ở Thanh Hóa	Phân bố ở Việt Nam (Nguyễn Tiến Bản <i>et al.</i> , 2003)
1	<i>Piper arboricola</i> C. DC.	Tiêu thượng mộc	Bến En	Lâm Đồng (Đà Lạt, Đatanla)
2	<i>Piper bavinum</i> C. DC.	Tiêu ba vi	Bến En	Hà Nội (Ba Vi, Làng Cốc)
3	<i>Piper bonii</i> C. DC.	Hàm ếch rừng	Bến En	Hòa Bình, Ninh Bình (Cúc Phương)
4	<i>Piper brevicaule</i> C. DC.	Tiêu thân ngắn	Bến En	Hà Nội (Ba Vi)
5	<i>Piper cambodianum</i> C. DC.	Tiêu cam bột	Bến En	-
6	<i>Piper carnibracteam</i> C. DC.	Tiêu lá bắc mập	Bến En	Cao Bằng (Nguyên Bình), Ninh Bình
7	<i>Piper chaudiocanum</i> C. DC.	Tiêu châu đốc	Bến En	Kon Tum (Đác Giáy, Ngọc Linh), Đồng Nai, An Giang (Châu Đốc)
8	<i>Piper laosanum</i> C. DC.	Tiêu lào	Bến En	-
9	<i>Piper leptostachyum</i> Wall.	Tiêu gié mảnh	Bến En	-
10	<i>Piper pierrei</i> C. DC	Tiêu pierrei	Bến En	Đắk Lắk (Krông Pắc, Khuê Ngọc Điền), Đồng Nai (Biên Hòa, Bảo Chánh)
11	<i>Piper retrofractum</i> Vahl.	Tiêu dọi	Bến En	Hòa Bình (Mai Châu), Hà Nội (Ba Vi), Tp. Hồ Chí Minh
12	<i>Piper saxicola</i> C. DC.	Tiêu trên đá	Bến En	Quảng Ninh (Uông Bí), Khánh Hòa (Nha Trang)

Kết quả bảng 4 cho thấy, trong 12 loài ghi nhận vùng phân bố mới ở Thanh Hóa, có 03 loài phân bố từ Gia Lai trở vào là: Tiêu thượng mộc (*Piper arboricola* C. DC.), Tiêu châu đốc (*Piper chaudocanum* C. DC.) và Tiêu pierrei (*Piper pierrei* C. DC.). Có 04 loài phân bố từ Ninh Bình trở ra là: Tiêu ba vì (*Piper bavinum* C. DC.), Hàm ếch rừng (*Piper bonii* C. DC.), Tiêu thân ngắn (*Piper brevicaule* C. DC.) và Tiêu lá bắc mập (*Piper carnibracteum* C. DC.). Có 02 loài phân bố ở các tỉnh miền Bắc và miền Nam là: Tiêu đội (*Piper retrofractum* Vahl.) và Tiêu trên đá (*Piper saxicola* C. DC.). Có 03 loài mới thấy phân bố ở Thanh Hóa là: Tiêu cam bột (*Piper cambodianum* C. DC.), Tiêu Lào (*Piper laosanum* C. DC.) và Tiêu gié mảnh (*Piper leptostachyum* Wall.).

IV. KẾT LUẬN

- Kết quả nghiên cứu đã xác định được 18 loài, 02 chi của họ Hồ tiêu ở VQG Bến En, Thanh Hóa, trong đó có 09 loài lần đầu tiên được tìm thấy tại khu vực này. *Piper* là chi có số loài nhiều nhất với 17 loài (chiếm 84,44% tổng số loài), *Peperomia* chỉ có 1 loài (chiếm 5,56%).
- Các loài trong họ Hồ tiêu ở khu vực nghiên cứu có các giá trị sử dụng khác nhau, có 17 loài thuộc nhóm cây có tinh dầu, 09 loài cây thuộc nhóm có giá trị làm thuốc, 03 loài ăn được và 02 loài thuộc nhóm cây làm gia vị.
- Đã ghi nhận bổ sung vùng phân bố của 12 loài thuộc họ Hồ tiêu tại Thanh Hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Tất Lợi, 2003. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Cheng Yongqian, Xia Nianhe, Michael G. Gilbert, 1999. *Piperaceae* in Flora of China, 4: 110 - 131, Science Press, Beijing, and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.
3. Klein R.M., Klein D.T., 1979. Phương pháp nghiên cứu thực vật, Tập 2, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Vườn quốc gia Bến En - Thanh Hóa, 2013. Báo cáo dự án Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng VQG Bến En đến năm 2020, Thanh Hóa.
6. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên), 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam (tập 2), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Tập 2, Nxb Y học, Hà Nội.
8. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, tập 1, Nxb trẻ, Tp. HCM.
9. Trần Đình Lý, 1993. 1900 loài cây có ích ở Việt Nam, Nxb Thế giới.
10. Triệu Văn Hùng, 2007. Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Nxb Bản đồ, Hà Nội.

Email tác giả chính: daubathin@hdu.edu.vn

Ngày nhận bài: 06/06/2017

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/11/2017

Ngày duyệt đăng: 12/12/2017